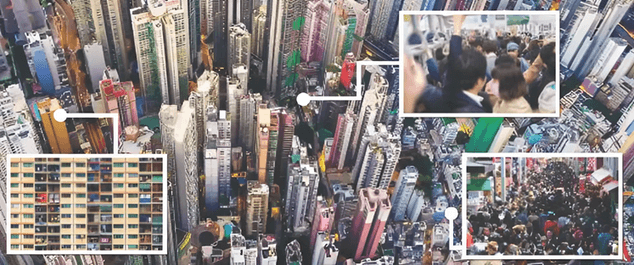
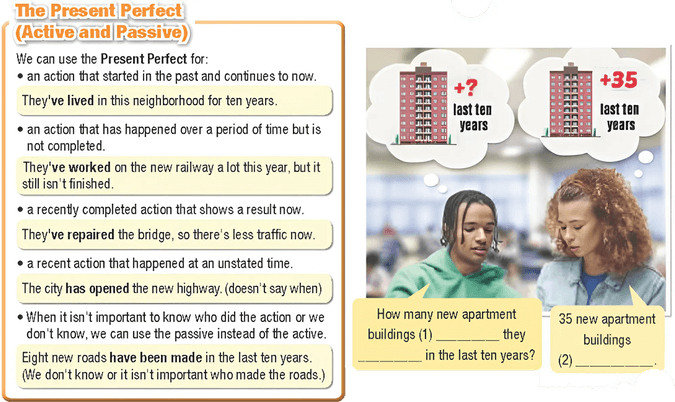
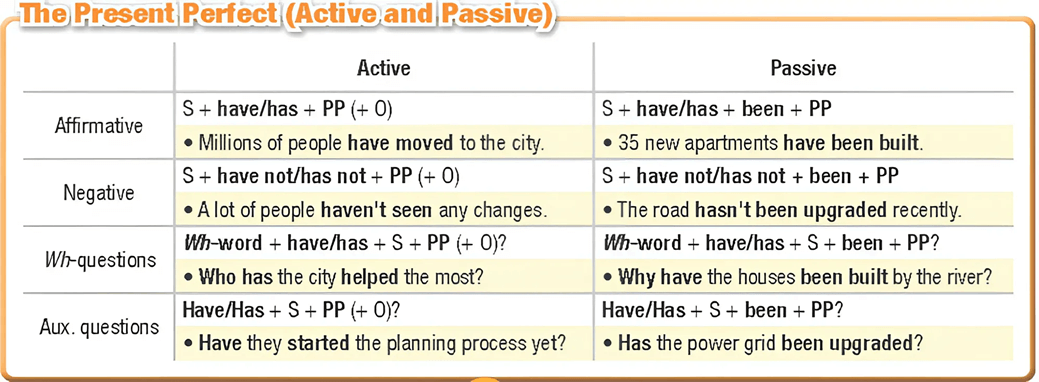
# Unit 7 Lesson 1 (trang 74, 75, 76, 77)

**Tiếng Anh lớp 12 Unit 7 Lesson 1** **(trang 74, 75, 76, 77) - ILearn Smart World**  
**Let's Talk! (trang 74 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the pictures. How would you describe the place? What is needed to make life easier in such a place? (Nhìn vào những bức tranh. Bạn sẽ mô tả nơi này như thế nào? Cần phải làm gì để cuộc sống dễ dàng hơn ở một nơi như vậy?)  
  
**Gợi ý:**  
These places are very crowded and cramped.  
To make life easier in a crowded big city, prioritize efficient use of space with multifunctional furniture and embrace digital solutions for everyday tasks.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Những nơi này rất đông đúc và chật chội.  
Để biến cuộc sống ở một thành phố lớn đông đúc trở nên dễ dàng hơn, hãy ưu tiên sử dụng không gian hiệu quả với nội thất đa chức năng và áp dụng các giải pháp kỹ thuật số cho công việc hàng ngày.  
  
**New Words (phần a->c trang 74 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the sentences and match the underlined words with the definitions. Listen and repeat.** (Đọc các câu và nối các từ được gạch chân với các định nghĩa. Lắng nghe và lặp lại.)  
  
  
  
  
1. Many s move to big cities so that they can get a better job or education.   
  
  
1 - a  
  
  
a. a person who moves from one place to another in order to find work or better living conditions  
  
  
  
  
2. The city needs to provide more so that people can find good places to live.   
  
  
   
  
  
b. the process of people moving from rural places to towns and cities, and the growth of towns and cities  
  
  
  
  
3. The is higher in cities than in the country because of all the apartment towers.   
  
  
   
  
  
c. houses, apartments, etc. that people live in, especially when talking about their type, price, or condition  
  
  
  
  
4. As cities grow, their land also increases and there's less space for wildlife.  
  
  
   
  
  
d. a system of electric wires or pipes carrying gas, for sending power over a large amount of land  
  
  
  
  
5. The city needs to the public transportation. The buses and trains are so old.  
  
  
   
  
  
e. the amount of space covered by a flat surface or piece of land, described as a measurement  
  
  
  
  
6. The power was out of service because the storm knocked down some wires.   
  
  
   
  
  
f. improve a machine or system, or replace it with a better one  
  
  
  
  
7. is increasing around the world. Lots of people are leaving small towns to live in big cities.  
  
  
   
  
  
g. the number of people living in a particular amount of space  
  
  
  
  
CD2-16  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. a  
  
  
2. c  
  
  
3. g  
  
  
4. e  
  
  
5. f  
  
  
6. d  
  
  
7. b  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Nhiều chuyển đến các thành phố lớn để có thể kiếm được việc làm hoặc học tập tốt hơn.  
2. Thành phố cần cung cấp thêm để người dân có thể tìm được nơi ở tốt.  
3. ở thành phố cao hơn ở nông thôn vì có nhiều tòa tháp chung cư.  
4. Khi các thành phố phát triển, đất cũng tăng lên và có ít không gian hơn cho động vật hoang dã.  
5. Thành phố cần phương tiện giao thông công cộng. Xe buýt và xe lửa đã quá cũ.  
6. điện đã ngừng hoạt động do bão làm đứt một số dây điện.  
7. đang gia tăng trên toàn thế giới. Rất nhiều người đang rời bỏ các thị trấn nhỏ để đến sống ở các thành phố lớn.  
a. một người di chuyển từ nơi này đến nơi khác để tìm việc làm hoặc điều kiện sống tốt hơn  
b. quá trình người dân di chuyển từ nông thôn đến các thị trấn và thành phố, và sự phát triển của các thị trấn và thành phố  
c. nhà ở, căn hộ, v.v. nơi mọi người sinh sống, đặc biệt khi nói về loại, giá cả hoặc tình trạng của chúng  
d. một hệ thống dây điện hoặc ống dẫn khí đốt, để truyền tải điện trên một diện tích đất lớn  
e. phần không gian được bao phủ bởi một bề mặt phẳng hoặc một mảnh đất, là một phép đo  
f. cải tiến máy móc hoặc hệ thống hoặc thay thế nó bằng một cái tốt hơn  
g. số lượng người sống trong một khoảng không gian cụ thể  
**b. Add the words in the box to the table.** (Thêm các từ trong khung vào bảng.)  
  
  
  
  
  
power grid, housing, railroads, internet, education, public transportation,  
roads, police, health services, water supply, fire department  
  
  
  
  
  
   
  
  
  
  
**infrastructure**  
  
  
   
  
  
  
  
**services**  
  
  
   
  
  
  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
**infrastructure**  
  
  
power grid, housing, railroads, internet, public transportation, roads, water supply  
  
  
  
  
**services**  
  
  
education, , police, health services, fire department  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**cơ sở hạ tầng**  
  
  
lưới điện, nhà ở, đường sắt, mạng nternet, giao thông công cộng, đường xá, hệ thống cấp nước  
  
  
  
  
**dịch vụ**  
  
  
giáo dục, cảnh sát, dịch vụ y tế, trạm cứu hỏa  
  
  
  
  
**c. In pairs: Use the new words to talk about urbanization in your country or the place where you live.** (Theo cặp: Sử dụng các từ mới để nói về quá trình đô thị hóa ở đất nước của bạn hoặc nơi bạn sống.)  
Lots of migrants came to our town from rural areas. (Rất nhiều người di cư đến thị trấn của chúng tôi từ các vùng nông thôn.)   
**Gợi ý:**  
In our rapidly urbanizing region, housing has become a critical concern due to increasing population density and limited land area.  
Efforts are underway to upgrade existing infrastructure, including the power grid and transportation systems, to accommodate the growing urban population.  
As urbanization progresses, balancing development with sustainable practices remains paramount to ensure a high quality of life for residents.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Trong khu vực đô thị hóa nhanh chóng của chúng tôi, nhà ở đã trở thành mối quan tâm hàng đầu do mật độ dân số ngày càng tăng và diện tích đất đai hạn chế.  
Các nỗ lực đang được tiến hành để nâng cấp cơ sở hạ tầng hiện có, bao gồm mạng lưới điện và hệ thống giao thông, nhằm đáp ứng nhu cầu dân số đô thị ngày càng tăng.  
Khi quá trình đô thị hóa diễn ra, việc cân bằng giữa phát triển với các hoạt động bền vững vẫn là điều tối quan trọng để đảm bảo chất lượng cuộc sống cao cho người dân.  
  
**Listening (phần a->f trang 75 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. You will hear two classmates discussing urbanization in different cities. What do you think the speakers will talk about? Add two more topics.** (Bạn sẽ nghe hai người bạn cùng lớp thảo luận về quá trình đô thị hóa ở các thành phố khác nhau. Bạn nghĩ họ sẽ nói về điều gì? Thêm hai chủ đề nữa.)  
1. (Dân số)  
2. \_\_\_\_\_\_\_\_  
3. \_\_\_\_\_\_\_\_  
**Đáp án:**  
2. Housing (Nhà ở)  
3. Infrastructure (Cơ sở hạ tầng)  
**Nội dung bài nghe:**  
Chrine: Hi, Steve.  
Steve: Hi, Chrine. Are you ready to prepare a presentation? We have to compare urbanization in two cities.  
Chrine: Yeah, I'm ready. I research Binton, and over the last 10 years, the population of Binton has increased by 2.2 million.  
Steve: Wow, that's quite a lot. Where do they come from?  
Chrine: They're mostly migrants from rural areas. So how about you? Which city did you learn about?  
Steve: I learn about Sloane. The population has increased to… let me see. The number of people in Sloane has gone up by 1.2 million. They're mostly migrants from other countries.  
Chrine: Has the population density increased?  
Steve: Yes, it's gone up by 15% from 1501 to 1726 people per square kilometer. How about Binton?  
Chrine: It's increased to from 3337 to 4171 people per square kilometer. That's about 25%. So how has housing changed in Sloane?  
Steve: Well, 35 new apartment buildings have been built in the last 10 years.  
Chrine: Oh, that's a lot. In Binton 28 new apartment buildings have been built.  
Steve: Okay, so has the infrastructure improved?  
Chrine: Yes, they've upgraded their power grid.  
Steve: They need to reduce congestion in Sloane and so they've added… just a second… 22 new bus routes and three subway lines.  
Chrine: Okay, so what do you think is the best way to manage urbanization?  
Steve: I think it's improving public transportation because it reduces the congestion and helps the environment too.  
Chrine: I think it's building new homes because having a home is the most important thing for a lot of people.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Chrine: Chào Steve.  
Steve: Chào Chrine. Bạn đã sẵn sàng chuẩn bị bài thuyết trình chưa? Chúng ta phải so sánh quá trình đô thị hóa ở hai thành phố.  
Chrine: Ừ, tôi đã sẵn sàng. Tôi nghiên cứu về Binton và trong 10 năm qua, dân số Binton đã tăng 2,2 triệu người.  
Steve: Wow, khá là nhiều đấy. Họ đến từ đâu?  
Chrine: Họ chủ yếu là người di cư từ các vùng nông thôn. Vậy còn bạn thì sao? Bạn đã tìm hiểu về thành phố nào?  
Steve: Tôi tìm hiểu về Sloane. Dân số đã tăng lên đến mức… để tôi xem. Số người ở Sloane đã tăng thêm 1,2 triệu. Họ chủ yếu là người di cư từ các nước khác.  
Chrine: Mật độ dân số có tăng lên không?  
Steve: Có, nó đã tăng 15%, từ 1501 lên 1726 người/km2. Còn Binton thì sao?  
Chrine: Tăng từ 3337 lên 4171 người/km2, khoảng 25%. Vậy nhà ở ở Sloane đã thay đổi như thế nào?  
Steve: Chà, 35 tòa chung cư mới đã được xây dựng trong 10 năm qua.  
Chrine: Ồ, nhiều quá. Ở Binton, 28 tòa chung cư mới đã được xây dựng.  
Steve: Được rồi, cơ sở hạ tầng đã được cải thiện chưa?  
Chrine: Có, họ đã nâng cấp lưới điện.  
Steve: Họ cần giảm tắc nghẽn ở Sloane và vì vậy họ đã bổ sung thêm … đợi một lát… 22 tuyến xe buýt mới và ba tuyến tàu điện ngầm.  
Chrine: Được rồi, vậy bạn nghĩ cách tốt nhất để quản lý quá trình đô thị hóa là gì?  
Steve: Tôi nghĩ đó là cải thiện giao thông công cộng vì nó làm giảm ùn tắc và cũng có ích cho môi trường.  
Chrine: Tôi thì nghĩ đó là xây những ngôi nhà mới vì có một chỗ ở là điều quan trọng nhất đối với nhiều người.  
**b. Now, listen and circle the topics above that the classmates talk about. How many did you guess correctly?** (Bây giờ, hãy nghe và khoanh tròn các chủ đề trên mà các bạn cùng lớp nói đến. Bạn đã đoán đúng bao nhiêu?)  
CD2-17  
**Đáp án:**  
population, population density, housing, infrastructure, public transportation  
**Hướng dẫn dịch:**  
dân số, mật độ dân số, nhà ở, cơ sở hạ tầng, giao thông công cộng  
**c. Listen again and circle True or False.** (Nghe lại và khoanh tròn *True* - Đúng hoặc *False* - Sai.)  
  
  
  
  
1. 2.2 million people have moved to Binton in the last ten years.  
  
  
True  
  
  
False  
  
  
  
  
2. Lots of migrants have come to Sloane from rural areas.  
  
  
True  
  
  
False  
  
  
  
  
3. 25 new apartment buildings have been built in Sloane.  
  
  
True  
  
  
False  
  
  
  
  
4. The power grid has been upgraded in Binton.  
  
  
True  
  
  
False  
  
  
  
  
5. Steve thinks that building new houses is the best way for cities to manage urbanization.   
  
  
True  
  
  
False  
  
  
  
  
CD2-17  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. True  
  
  
2. False  
  
  
3. False  
  
  
4. True  
  
  
5. False  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: Chrine: Yeah, I'm ready. I research Binton, and over the last 10 years, the population of Binton has increased by 2.2 million. (Ừ, tôi đã sẵn sàng. Tôi nghiên cứu về Binton và trong 10 năm qua, dân số Binton đã tăng 2,2 triệu người.)  
2. Thông tin: Steve: I learn about Sloane. The population has increased to… let me see. The number of people in Sloane has gone up by 1.2 million. They're mostly migrants from other countries. (Tôi tìm hiểu về Sloane. Dân số đã tăng lên đến mức… để tôi xem. Số người ở Sloane đã tăng thêm 1,2 triệu. Họ chủ yếu là người di cư từ các nước khác.)  
3. Thông tin:  
Chrine: … So how has housing changed in Sloane? (… Vậy nhà ở ở Sloane đã thay đổi như thế nào?)  
Steve: Well, 35 new apartment buildings have been built in the last 10 years. (Chà, 35 tòa chung cư mới đã được xây dựng trong 10 năm qua.)  
4. Thông tin:  
Chrine: … In Binton 28 new apartment buildings have been built. (… Ở Binton, 28 tòa chung cư mới đã được xây dựng.)  
Steve: Okay, so has the infrastructure improved? (Được rồi, cơ sở hạ tầng đã được cải thiện chưa?)  
Chrine: Yes, they've upgraded their power grid. (Có, họ đã nâng cấp lưới điện.)  
5. Thông tin: Chrine: I think it's building new homes because having a home is the most important thing for a lot of people. (Chrine: Tôi thì nghĩ đó là xây những ngôi nhà mới vì có một chỗ ở là điều quan trọng nhất đối với nhiều người.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. 2,2 triệu người đã chuyển đến Binton trong mười năm qua.  
2. Rất nhiều người di cư đến Sloane từ các vùng nông thôn.  
3. 25 tòa chung cư mới đã được xây dựng ở Sloane.  
4. Lưới điện ở Binton đã được nâng cấp.  
5. Steve cho rằng xây dựng các ngôi nhà mới là cách tốt nhất để các thành phố quản lý quá trình đô thị hóa.  
**d. Read the Conversation Skill box, then listen and repeat.** (Đọc bảng Kỹ năng hội thoại, sau đó nghe và lặp lại.)  
  
  
  
  
  
**Conversation Skill**  
**Showing hesitation**  
To get more time to think about what to say, use:  
*Let me see…*  
*Just a second…*  
  
  
  
  
  
CD2-18  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
  
**Kỹ năng hội thoại**  
**Thể hiện sự do dự**  
Để có thêm thời gian suy nghĩ về những điều cần nói, hãy dùng:  
*Let me see… (Để tôi xem…)*  
*Just a second… (Đợi 1 lát…)*  
  
  
  
  
  
**e. Now, listen to the conversation again and number the phrases in the correct order.** (Bây giờ, nghe lại đoạn hội thoại và đánh số các cụm từ theo đúng thứ tự.)  
CD2-17  
**Đáp án:**  
1. Let me see…  
2. Just a second…  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Để tôi xem…  
2. Đợi 1 lát…  
**f. In pairs: Do you think urbanization is good or bad? Why?** (Theo cặp: Bạn nghĩ đô thị hóa là tốt hay xấu? Tại sao?)  
**Gợi ý:**  
A: Do you think urbanization is good or bad? Why?  
B: Well, it's a complex issue with both positive and negative aspects. On one hand, urbanization can bring economic growth, improved infrastructure, and increased access to services like healthcare and education. However, it also leads to challenges such as environmental degradation, overcrowding, and social inequalities.  
A: That's true. I can see how urbanization can offer opportunities for employment and better living standards, but it also puts a strain on resources and infrastructure. How do you think we can address these challenges?  
B: I believe a balanced approach is essential. We need urban planning that prioritizes sustainability, equitable access to resources, and community engagement. Investing in green infrastructure, promoting affordable housing, and supporting local businesses can help mitigate the negative impacts of urbanization while maximizing its benefits.  
A: I agree. It's crucial to consider the long-term consequences of urbanization and work towards creating cities that are livable, inclusive, and environmentally friendly.  
B: Absolutely. By taking a holistic approach and involving all stakeholders in the decision-making process, we can harness the potential of urbanization to create thriving and resilient communities.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bạn nghĩ đô thị hóa là tốt hay xấu? Tại sao?  
B: Chà, đây là một vấn đề phức tạp với cả khía cạnh tích cực và tiêu cực. Một mặt, đô thị hóa có thể mang lại tăng trưởng kinh tế, cải thiện cơ sở hạ tầng và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ như chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Tuy nhiên, nó cũng dẫn đến những thách thức như suy thoái môi trường, tình trạng quá đông đúc và bất bình đẳng xã hội.  
A: Đúng vậy. Tôi có thể thấy đô thị hóa có thể mang lại cơ hội việc làm và mức sống tốt hơn như thế nào, nhưng nó cũng gây áp lực lên tài nguyên và cơ sở hạ tầng. Bạn nghĩ chúng ta có thể giải quyết những thách thức này như thế nào?  
B: Tôi tin rằng một cách tiếp cận cân bằng là điều cần thiết. Chúng ta cần quy hoạch đô thị ưu tiên tính bền vững, khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên một cách công bằng và sự tham gia của cộng đồng. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng xanh, thúc đẩy nhà ở giá rẻ và hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương có thể giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa, đồng thời tối đa hóa lợi ích của nó.  
A: Tôi đồng ý. Điều quan trọng là phải xem xét những hậu quả lâu dài của quá trình đô thị hóa và hướng tới việc tạo ra những thành phố đáng sống, hòa nhập và thân thiện với môi trường.  
B: Chắc chắn rồi. Bằng cách áp dụng cách tiếp cận toàn diện và thu hút sự tham gia của tất cả các bên liên quan vào quá trình ra quyết định, chúng ta có thể khai thác tiềm năng của quá trình đô thị hóa để tạo ra các cộng đồng thịnh vượng và kiên cường.  
  
**Grammar (phần a->e trang 75-76 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about the Present Perfect (Active and Passive), then fill in the blanks.** (Đọc về thì Hiện tại hoàn thành (Chủ động và Bị động), sau đó điền vào chỗ trống.)  
  
**Đáp án:**  
- How many new apartment buildings have they built in the last ten years?  
- 35 new apartment buildings have been built.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Họ đã xây dựng bao nhiêu tòa chung cư mới trong mười năm qua?  
- 35 tòa chung cư mới đã được xây dựng.  
  
  
  
  
**Thì Hiện tại hoàn thành (Chủ động và Bị động)**  
Chúng ta có thể dùng **thì Hiện tại hoàn thành** để:  
• diễn tả một hành động đã bắt đầu trong quá khứ và tiếp tục đến hiện tại.  
They**'ve lived** in this neighborhood for ten years. (Họ đã sống ở khu phố này được mười năm rồi.)  
• diễn tả một hành động đã xảy ra trong một khoảng thời gian nhưng chưa hoàn thành.  
They**'ve worked** on the new railway a lot this year but it still isn't finished. (Họ đã xây tuyến đường sắt mới rất lâu trong năm nay nhưng nó vẫn chưa hoàn thành.)  
• diễn tả một hành động đã hoàn thành gần đây và để lại kết quả ở hiện tại.  
They**'ve repaired** the bridge, so there's less traffic now. (Họ đã sửa chữa cây cầu nên bây giờ có ít xe cộ qua lại hơn.)  
• diễn tả một hành động gần đây đã xảy ra vào một thời điểm không xác định.  
The city **has opened** the new highway. (doesn't say when)  
(Thành phố đã mở đường cao tốc mới. (không nói rõ khi nào))  
• Khi chủ thể thực hiện hành động không quan trọng hoặc chúng ta không biết chủ thể thực hiện hành động là ai, ta có thể sử dụng thể bị động thay vì thể chủ động.  
Eight new roads **have been made** in the last ten years. (We don't know or it isn't important who made the roads.)  
Tám con đường mới đã được làm trong mười năm qua. (Chúng ta không biết ai làm đường hoặc việc ai làm đường không quan trọng.)  
  
  
  
  
**b. Listen and check. Listen again and repeat.** (Nghe và kiểm tra. Nghe lại và lặp lại.)  
CD2-19  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Thì Hiện tại hoàn thành (Chủ động và Bị động)**  
  
  
  
  
   
  
  
**Chủ động**  
  
  
**Bị động**  
  
  
  
  
Thể khẳng định  
  
  
S + **have/has** + **PP** (+ O)  
• Millions of people **have moved** to the city. (Hàng triệu người đã chuyển đến thành phố.)  
  
  
S + **have/has** + **been** + **PP**  
• 35 new apartments **have been built**. (35 căn hộ mới đã được xây dựng.)  
  
  
  
  
Thể phủ định  
  
  
S + **have not/has not** + **PP** (+ O)  
• A lot of people **haven't seen** any changes. (Rất nhiều người chưa thấy có sự thay đổi nào.)  
  
  
S + **have not/has not** + **been** + **PP**  
• The road **hasn't been upgraded** recently. (Gần đây đường chưa được nâng cấp.)  
  
  
  
  
Thể nghi vấn với *wh*-  
  
  
**Wh-** + **have/has** + S + **PP** (+ O)?  
• **Who has** the city **helped** the most? (Thành phố đã giúp đỡ ai nhiều nhất?)  
  
  
**Wh-** + **have/has** + S + **been** + **PP**?  
• **Why have** the houses **been built** by the river? (Tại sao nhà cửa lại được xây bên sông?)  
  
  
  
  
Thể nghi vấn với trợ động từ  
  
  
**Have/Has** + S + **PP** (+ O)?  
• **Have** they **started** the planning process yet? (Họ đã bắt đầu quá trình quy hoạch chưa?)  
  
  
**Have/Has** + S + **been** + **PP**?  
• **Has** the power grid **been upgraded**? (Lưới điện đã được nâng cấp chưa?)  
  
  
  
  
**c. Circle the correct words.** (Khoanh vào từ đúng.)  
1. How long *have/has* you lived in the city for?  
2. Has your town *been/was* changed by urbanization?  
3. The city's land area *have/has* grown by 30 km2 in two years.  
4. The city's population density has *increase/increased* by 10%.  
5. How many new houses have been *build/built*?  
6. Thousands of people have *come/came* here looking for opportunities.  
7. A new apartment building *have/has* been built in my neighborhood.   
**Đáp án:**  
1. How long have you lived in the city for?  
2. Has your town been changed by urbanization?  
3. The city's land area has grown by 30 km2 in two years.  
4. The city's population density has increased by 10%.  
5. How many new houses have been built?  
6. Thousands of people have come here looking for opportunities.  
7. A new apartment building has been built in my neighborhood.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Bạn sống ở thành phố được bao lâu rồi?  
2. Thị trấn của bạn có bị thay đổi bởi quá trình đô thị hóa không?  
3. Diện tích đất của thành phố đã tăng thêm 30 km2 trong hai năm.  
4. Mật độ dân số thành phố tăng thêm 10%.  
5. Có bao nhiêu ngôi nhà mới đã được xây dựng?  
6. Hàng nghìn người đã đến đây tìm kiếm cơ hội.  
7. Một tòa chung cư mới đã được xây dựng ở khu phố của tôi.  
**d. Write sentences in the Present Perfect using the prompts.** (Viết câu ở thì Hiện tại hoàn thành sử dụng các gợi ý.)  
1. last ten years/5 million migrants/arrive/city.  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
2. government/build 35 new apartment buildings/2005.  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
3. housing/this city/really improve/recently.  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
4. how many people/leave/the city/so far this year?  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
5. power grid/be/improve/yet?  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
6. city/have/three different mayors/last two years.   
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**Đáp án:**  
1. In the last ten years, 5 million migrants have arrived in the city.  
2. The government has built 35 new apartment buildings since 2005.  
3. The housing in this city has really improved recently.  
4. How many people have left the city so far this year?  
5. Has the power grid been improved yet?  
6. The city has had three different mayors in the last two years.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Trong mười năm qua, năm triệu người di cư đã đến thành phố.  
2. Chính phủ đã xây dựng 35 tòa chung cư mới kể từ năm 2005.  
3. Nhà ở ở thành phố này gần đây đã thực sự được cải thiện.  
4. Tính đến thời điểm hiện tại, có bao nhiêu người đã rời thành phố trong năm nay?  
5. Lưới điện đã được cải thiện chưa?  
6. Thành phố đã có ba thị trưởng khác nhau trong hai năm qua.  
**e. In pairs: Make Present Perfect statements and questions using the prompts. Some sentences are in passive voice.** (Theo cặp: Đặt câu khẳng định và nghi vấn với thì Hiện tại Hoàn thành sử dụng gợi ý. Một số câu ở thể bị động.)  
  
  
  
  
  
• lots of migrants/come/city/last ten years • population/increase?  
• how much/population density/increase? • land area/double in size/last 100 years  
• power grid/upgrade/this year • what/they/work on/city/recently?  
  
  
  
  
  
Lots of migrants have come to the city in the last ten years. (Rất nhiều người di cư đã đến thành phố trong mười năm qua.)  
**Gợi ý:**  
2. Has the population increased?  
3. How much has the population density increased?  
4. The land area has doubled in size in the last 100 years.  
5. The power grid has been upgraded this year.  
6. What have they worked on in the city recently?  
**Hướng dẫn dịch:**  
2. Dân số có tăng không?  
3. Mật độ dân số đã tăng lên bao nhiêu?  
4. Diện tích đất đã tăng gấp đôi trong 100 năm qua.  
5. Lưới điện năm nay đã được nâng cấp.  
6. Gần đây họ đã làm gì ở thành phố?  
  
**Pronunciation (phần a->d trang 76 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. When a word ends in a /t/ and the next word starts with a consonant, we often omit the /t/ sound.** (Khi một từ kết thúc bằng âm /t/ và từ tiếp theo bắt đầu bằng một phụ âm, chúng ta thường bỏ qua âm /t/.)  
**'... apartment building ...' sounds like** /əpɑːtmənbɪldɪŋ/. ('... apartment building ...' nghe giống như /əpɑːtmənbɪldɪŋ/.)  
**'... haven't built ...' sounds like** /'hævnbɪlt/. ('... haven't built ...' nghe giống như /'hævnbɪlt/.)  
**b. Listen. Notice the sound changes of the underlined letters.** (Nghe. Chú ý sự thay đổi âm thanh của các chữ cái được gạch chân.)   
A new apartmen building has been built in my neighborhood.  
The power grid hasn' been improved in the last five years.  
CD2-20  
**Hướng dẫn dịch:**  
Một tòa chung cư mới đã được xây dựng ở khu phố của tôi.  
Lưới điện đã không được cải thiện trong 5 năm qua.  
**c. Listen and cross out the sentence that doesn't follow the note in Task a.** (Nghe và gạch bỏ câu không tuân theo ghi chú ở Bài tập a.)  
They don't know who did it.  
The main street looks busy today.  
CD2-21  
**Đáp án:**  
They don't know who did it.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Họ không biết ai đã làm điều đó.  
Con đường chính hôm nay có vẻ đông đúc.  
**d. Practice reading the sentences with the sound changes noted in Task a to a partner.** (Luyện đọc các câu có sự thay đổi âm thanh được ghi chú trong Bài tập a cho bạn cùng lớp.)  
  
**Practice (phần a->b trang 77 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen, then take turns asking and answering about what changes have happened in each city.** (Nghe, sau đó lần lượt hỏi và trả lời về những thay đổi đã xảy ra ở mỗi thành phố.)  
CD2-22  
- How much has the population in Timberlake increased by in the last ten years? (Dân số ở Timberlake đã tăng bao nhiêu trong mười năm qua?)  
- Let me see. It has increased by 2 million. (Để tôi xem. Nó đã tăng thêm 2 triệu người.)  
- How has housing changed in the last ten years? (Nhà ở đã thay đổi như thế nào trong 10 năm qua?)  
- They have built 20 new apartments. (Họ đã xây dựng được 20 căn hộ mới.)  
  
  
  
  
   
  
  
**Timberlake**  
**(2014 - 2024)**  
  
  
**Guijing**  
**(2019 - 2024)**  
  
  
**Landberg**  
**(2004 - 2024)**  
  
  
  
  
**Population**  
  
  
increased by 2 million  
  
  
increased by 1.8 million  
  
  
increased by 500 thousand  
  
  
  
  
**Population density**  
  
  
increased by 10%  
  
  
increased by 25%  
  
  
increased by 8%  
  
  
  
  
**Land area**  
  
  
increased by 5 km2  
  
  
increased by 4.5 km2  
  
  
increased by 1 km2  
  
  
  
  
**Housing**  
  
  
built 20 new apartments  
  
  
built 1,500 new houses  
  
  
built 150 beautiful mansions  
  
  
  
  
**Infrastructure**  
  
  
• improved public transportation  
• added 29 new bus routes  
  
  
• upgraded the power grid  
• built new power stations  
  
  
• improved roads  
   
• built 18 new roads  
   
  
  
  
  
**Đáp án:**  
A: Hey, have you heard about the changes in Timberlake over the past decade?  
B: Yeah, I heard there's been quite a transformation. The population increased by 2 million people!  
A: That's massive! Did they expand the city's infrastructure to accommodate the growth?  
B: Definitely! They improved public transportation and even added 29 new bus routes.  
A: Wow, that's impressive. Did they also work on expanding housing options?  
B: Absolutely, they built 20 new apartments to address the housing demand.  
A: Timberlake seems to be booming. Did they make any changes to the city's physical layout?  
B: Yes, they increased the land area by 5 square kilometers. The population density also went up by 10%.  
A: Sounds like Timberlake's been bustling with development. What about Guijing? Have you heard about any changes there?  
B: Guijing saw some significant changes too. The population increased by 1.8 million, and they built 1,500 new houses to accommodate the growth.  
A: That's substantial! Did they also work on infrastructure improvements?  
B: Absolutely, they upgraded the power grid and even built new power stations to support the increasing demand.  
A: With such rapid growth, I wonder how it's affected the city's layout.  
B: The land area increased by 4.5 square kilometers, and the population density shot up by 25%.  
A: Guijing seems to be on the rise as well. I wonder if Landberg has seen any changes over the years.  
B: That's a good question. Let’s see.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Này, bạn đã nghe nói về những thay đổi ở Timberlake trong thập kỷ qua chưa?  
B: Có, tôi nghe nói đã có một sự chuyển biến khá lớn. Dân số tăng thêm 2 triệu người!  
A: Con số thật lớn! Họ có mở rộng cơ sở hạ tầng của thành phố để đáp ứng sự tăng trưởng không?  
B: Chắc chắn rồi! Họ cải thiện giao thông công cộng và thậm chí bổ sung thêm 29 tuyến xe buýt mới.  
A: Wow, thật ấn tượng. Họ cũng đang nỗ lực mở rộng các lựa chọn nhà ở phải không?  
B: Chắc chắn rồi, họ đã xây 20 căn hộ mới để đáp ứng nhu cầu nhà ở.  
A: Timberlake có vẻ đang bùng nổ. Họ có thực hiện bất kỳ thay đổi nào đối với cách quy hoạch thành phố không?  
B: Có, họ đã tăng diện tích đất thêm 5 km2. Mật độ dân số cũng tăng 10%.  
A: Có vẻ như Timberlake đang rất phát triển. Còn Guijing thì sao? Bạn có nghe nói về bất kỳ thay đổi nào ở đó không?  
B: Guijing cũng thay đổi đáng kể. Dân số tăng thêm 1,8 triệu người và họ đã xây dựng 1.500 ngôi nhà mới để đáp ứng sự tăng trưởng.  
A: Con số thật lớn! Họ cũng tập trung vào cải thiện cơ sở hạ tầng phải không?  
B: Chắc chắn rồi, họ đã nâng cấp lưới điện và thậm chí còn xây dựng các trạm điện mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng.  
A: Với sự tăng trưởng nhanh chóng như vậy, tôi tự hỏi nó ảnh hưởng thế nào đến quy hoạch của thành phố.  
B: Diện tích đất tăng thêm 4,5 km2 và mật độ dân số tăng 25%.  
A: Guijing dường như cũng đang trên đà phát triển. Tôi tự hỏi liệu Landberg có bất kỳ thay đổi nào trong những năm qua không.  
B: Đó là một câu hỏi hay. Cùng xem nào.  
**b. Practice with your own ideas.** (Luyện tập với ý tưởng của riêng bạn.)  
**Gợi ý:**  
A: Hey, have you ever wondered about the population and infrastructure in Paris?  
B: Actually, I haven't looked into it much. What's the population like there?  
A: Well, as of 2024, the population of Paris has been steadily growing. In 2014, it was around 2.24 million people, and it's estimated to have increased since then.  
B: That's quite a lot of people for a city. How about the population density?  
A: The population density in Paris is quite high, especially in the city center. With such a large population in a relatively small area, it can get pretty crowded, especially during peak times.  
B: I can imagine. What about the land area of Paris?  
A: Paris covers an area of about 105 square kilometers, which is relatively small compared to other major cities. Despite its compact size, Paris is densely populated and has a lot of buildings and infrastructure packed into its urban space.  
B: That's interesting. Speaking of buildings, how's the housing situation in Paris?  
A: Housing in Paris can be quite expensive, especially in the central arrondissements. There's high demand for housing, which has driven up prices and led to some challenges with affordability and availability, particularly for lower-income residents.  
B: That sounds tough. Is the infrastructure able to keep up with the growing population?  
A: Paris has a well-developed infrastructure, with an extensive public transportation system, including the metro, buses, and trains. However, there have been ongoing efforts to improve and expand infrastructure to accommodate the growing population and alleviate congestion in the city center.  
B: It's good to hear that they're working on improving infrastructure. Thanks for filling me in on all of this!  
A: No problem! Paris is a fascinating city with a lot of dynamics to its population and infrastructure.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Này, bạn đã bao giờ thắc mắc về dân số và cơ sở hạ tầng ở Paris chưa?  
B: Thực ra thì tôi chưa nghiên cứu nhiều về nơi này. Dân số ở đó như thế nào?  
A: À, tính đến năm 2024, dân số Paris đã tăng đều đặn. Vào năm 2014, con số này là khoảng 2,24 triệu người và ước tính đã tăng lên kể từ đó.  
B: Khá đông đối với một thành phố. Mật độ dân số như thế nào?  
A: Mật độ dân số ở Paris khá cao, đặc biệt là ở trung tâm thành phố. Với dân số đông trong diện tích tương đối nhỏ như vậy, nơi đây có thể trở nên khá đông đúc, đặc biệt là trong thời gian cao điểm.  
B: Tôi có thể tưởng tượng ra điều đó. Còn diện tích đất Paris thì sao?  
A: Paris có diện tích khoảng 105 km2, tương đối nhỏ so với các thành phố lớn khác. Mặc dù có diện tích bé nhưng Paris có mật độ dân cư đông đúc và có rất nhiều tòa nhà cũng như cơ sở hạ tầng nằm trong không gian đô thị.  
B: Điều đó thật thú vị. Nhắc đến các tòa nhà, tình hình nhà ở ở Paris thế nào?  
A: Nhà ở ở Paris có thể khá đắt đỏ, đặc biệt là ở các quận trung tâm. Nhu cầu nhà ở cao đã đẩy giá nhà lên cao và dẫn đến một số thách thức về khả năng chi trả và nguồn cung nhà ở, đặc biệt đối với những người dân có thu nhập thấp.  
B: Nghe có vẻ khó khăn. Cơ sở hạ tầng có thể theo kịp với dân số ngày càng tăng không?  
A: Paris có cơ sở hạ tầng phát triển tốt với hệ thống giao thông công cộng rộng khắp, bao gồm tàu điện ngầm, xe buýt và xe lửa. Tuy nhiên, đã có những nỗ lực không ngừng nhằm cải thiện và mở rộng cơ sở hạ tầng nhằm đáp ứng nhu cầu dân số ngày càng tăng và giảm bớt tình trạng tắc nghẽn ở trung tâm thành phố.  
B: Thật tốt khi biết rằng họ đang nỗ lực cải thiện cơ sở hạ tầng. Cảm ơn vì đã cho tôi biết thông tin về tất cả những điều này!  
A: Không vấn đề gì! Paris là một thành phố hấp dẫn với nhiều động lực về dân số và cơ sở hạ tầng.  
  
**Speaking (phần a->c trang 77 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
URBANIZATION IN THE LAST TEN YEARS  
**a. You're doing research for a project about how different cities manage urbanization. In pairs: Student B, p124, File 4. Student A, ask Student B about Ironside and make notes in the table.** (Bạn đang nghiên cứu cho một dự án về cách các thành phố khác nhau quản lý quá trình đô thị hóa. Làm theo cặp: Học sinh B, trang 124, File 4. Học sinh A, hỏi Học sinh B về Ironside và ghi chú vào bảng.)  
  
  
  
  
**In the last 10 years**  
  
  
  
  
**Stonebridge**  
  
  
**Ironside**  
  
  
  
  
Population: +2.2 million  
Population density: +15%  
Land area: +5 km2  
Housing:  
 • +23 new apartment buildings  
 • +1,800 new houses  
Infrastructure:  
• 12 new roads built  
• 34 projects to upgrade power grid  
  
  
Population: +\_\_\_\_\_\_ million  
Population density: + \_\_\_\_\_\_%  
Land area: +\_\_\_\_\_\_ km2  
Housing:  
• +\_\_\_\_\_\_ new apartment buildings  
• +\_\_\_\_\_\_ new houses  
Infrastructure:  
•\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
•\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
  
  
  
  
**In the last 10 years**  
  
  
  
  
**Stonebridge**  
  
  
**Ironside**  
  
  
  
  
Population: +2.2 million  
Population density: +15%  
Land area: +5 km2  
Housing:  
 • +23 new apartment buildings  
 • +1,800 new houses  
Infrastructure:  
• 12 new roads built  
• 34 projects to upgrade power grid  
  
  
Population: +1.2 million  
Population density: +18%  
Land area: +3.5km2  
Housing:  
• +30 new apartment buildings  
• +1,650 new houses  
Infrastructure:  
• internet speed improved by 43%  
• public transportation improved (38 more bus routes)  
  
  
  
  
A: Hey, have you looked into Ironside for our urbanization project?  
B: Not yet, what changes have you found?  
A: Well, over the past few years, Ironside has seen quite a bit of growth. The population increased by 1.2 million people!  
B: That's significant! Did they manage to accommodate the influx of people?  
A: Yes, they did. They built 30 new apartment buildings and 1650 new houses.  
B: Impressive! Did they also work on improving infrastructure to support the growing population?  
A: Absolutely, they upgraded the internet speed by 43% and enhanced public transportation by adding 38 more bus routes.  
B: It sounds like Ironside has been proactive in managing urbanization. I wonder how these changes have impacted the city's layout.  
A: That's a good point. It would be interesting to delve deeper into how urbanization has shaped Ironside's development over the years.  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Trong 10 năm qua**  
  
  
  
  
**Stonebridge**  
  
  
**Ironside**  
  
  
  
  
Dân số: +2,2 triệu người  
Mật độ dân số: +15%  
Diện tích đất: +5 km2  
Nhà ở:  
 • +23 tòa chung cư mới  
 • +1.800 ngôi nhà mới  
Cơ sở hạ tầng:  
• 12 tuyến đường mới được xây dựng  
• 34 dự án nâng cấp lưới điện  
  
  
Dân số: +1,2 triệu người  
Mật độ dân số: +18%  
Diện tích đất: +3,5 km2  
Nhà ở:  
• +30 tòa chung cư mới  
• +1.650 ngôi nhà mới  
Cơ sở hạ tầng:  
• tốc độ internet được cải thiện 43%  
• giao thông công cộng được cải thiện (thêm 38 tuyến xe buýt)  
  
  
  
  
A: Này, bạn đã nghiên cứu Ironside cho dự án đô thị hóa của chúng ta chưa?  
B: Chưa, bạn đã tìm thấy những thay đổi gì rồi?  
A: Chà, trong vài năm qua, Ironside đã có sự tăng trưởng khá lớn. Dân số tăng thêm 1,2 triệu người!  
B: Con số thật lớn! Họ có xoay sở để đủ chỗ ở cho người dân không?  
A: Có. Họ đã xây dựng 30 tòa chung cư mới và 1.650 ngôi nhà mới.  
B: Thật ấn tượng! Họ có nỗ lực cải thiện cơ sở hạ tầng để hỗ trợ dân số ngày càng tăng không?  
A: Chắc chắn rồi, họ đã nâng cấp tốc độ Internet lên 43% và cải thiện giao thông công cộng bằng cách bổ sung thêm 38 tuyến xe buýt.  
B: Có vẻ như Ironside đã chủ động quản lý quá trình đô thị hóa. Tôi tự hỏi những thay đổi này đã tác động như thế nào đến quy hoạch của thành phố.  
A: Đó là ý hay. Sẽ rất thú vị nếu tìm hiểu sâu hơn về cách đô thị hóa đã định hình sự phát triển của Ironside trong những năm qua.  
**b. Swap roles and repeat. Student A, answer Student B's questions about Stonebridge.** (Đổi vai và lặp lại. Học sinh A trả lời các câu hỏi của Học sinh B về Stonebridge.)  
**Gợi ý:**  
Student B: Have you had a chance to research Stonebridge for our project on urbanization?  
Student A: Yes, I have. Stonebridge has experienced significant growth over the past few years.  
Student B: How so?  
Student A: Well, the population increased by 2.2 million people, which is quite substantial.  
Student B: With such a large increase, did they manage to provide enough housing?  
Student A: Yes, they did. Stonebridge constructed 23 new apartment buildings and 1,800 new houses to accommodate the growing population.  
Student B: That's impressive. Did they also focus on improving infrastructure to support this growth?  
Student A: Absolutely, they built 12 new roads to enhance connectivity and initiated 34 projects to upgrade the power grid.  
Student B: It sounds like Stonebridge has been proactive in managing its urbanization. Did these changes affect the city's layout significantly?  
Student A: Definitely. The land area increased by 5 square kilometers, and the population density went up by 15%.  
Student B: It would be interesting to explore how these changes have shaped the city's development and the quality of life for its residents.  
Student A: Absolutely, understanding the impact of urbanization on cities like Stonebridge can provide valuable insights for future urban planning initiatives.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Học sinh B: Bạn đã nghiên cứu Stonebridge cho dự án đô thị hóa của chúng ta chưa?  
Học sinh A: Rồi. Stonebridge đã tăng trưởng đáng kể trong vài năm qua.  
Học sinh B: Cụ thể như thế nào?  
Học sinh A: Chà, dân số đã tăng thêm 2,2 triệu người, một con số khá đáng kể.  
Học sinh B: Với mức tăng lớn như vậy, liệu họ có cung cấp đủ nhà ở không?  
Học sinh A: Có. Stonebridge đã xây dựng 23 tòa chung cư mới và 1.800 ngôi nhà mới để đáp ứng nhu cầu dân số ngày càng tăng.  
Học sinh B: Thật ấn tượng. Họ cũng tập trung vào việc cải thiện cơ sở hạ tầng để hỗ trợ sự tăng trưởng này chứ?  
Học sinh A: Chắc chắn rồi, họ đã xây dựng 12 con đường mới để tăng cường kết nối và khởi xướng 34 dự án nâng cấp lưới điện.  
Học sinh B: Có vẻ như Stonebridge đã chủ động quản lý quá trình đô thị hóa của mình. Những thay đổi này có ảnh hưởng đáng kể đến quy hoạch của thành phố không?  
Học sinh A: Chắc chắn rồi. Diện tích đất tăng thêm 5 km2 và mật độ dân số tăng 15%.  
Học sinh B: Sẽ rất thú vị khi tìm hiểu những thay đổi này đã định hình sự phát triển của thành phố và chất lượng cuộc sống của người dân thành phố như thế nào.  
Học sinh A: Đúng vậy, hiểu được tác động của quá trình đô thị hóa đối với các thành phố như Stonebridge có thể cung cấp những hiểu biết sâu sắc có giá trị cho các sáng kiến quy hoạch đô thị trong tương lai.  
**c. What changes do you think should be made where you live? Why?** (Bạn nghĩ nên thực hiện những thay đổi nào ở nơi bạn sống? Tại sao?)  
I think building new roads is a great idea because the roads here are too small. (Tôi nghĩ xây dựng những con đường mới là một ý tưởng hay vì đường xá ở đây quá nhỏ.)  
**Gợi ý:**  
In Hanoi, I think prioritizing infrastructure development and affordable housing initiatives while adopting sustainable urban planning practices can alleviate congestion, support economic growth, and improve living standards for urban residents.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Ở Hà Nội, tôi nghĩ ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng và các sáng kiến nhà ở giá rẻ đồng thời áp dụng các biện pháp quy hoạch đô thị bền vững có thể giảm bớt tắc nghẽn, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và cải thiện mức sống cho người dân đô thị.  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 7 Lesson 2 (trang 78, 79, 80, 81)  
Unit 7 Lesson 3 (trang 82, 83, 84)